UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NGOẠI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:195 /QĐ-NV

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế

GIÁM ĐỐC SỞ NGOẠI VỤ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội ngày 23/6/2023, được sửa đổi một số Điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Quyết định Số 2678/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm"Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế".

- Căn cứ Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm 2026 (đợt 2);

- Căn cứ Quyết định Số 67/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí chi phí để thực hiện một số nhiệm vụ từ nguồn chi thường xuyên ngân sách thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Kế hoạch số 128/KH-NV ngày 25 tháng 09 năm 2026 của Sở Ngoại vụ về việc mua sắm Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế.

Theo đề nghị của Văn phòng Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 05/TTr-VP ngày 29 tháng 9 năm 2026 về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: mua sắm Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán: Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế với nội dung sau:

1. Tên dự toán: Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế.

2. Tổng kinh phí: 1.299.897.180 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi đồng). Xem lại số liệu

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

3. Chủ đầu tư thực hiện mua sắm: Sở Ngoại vụ

4. Nguồn vốn: Phê duyệt tại Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số năm 2026 (đợt 2);

Nguồn kinh phí: Sự nghiệp khoa học và công nghệ, nội dung: *"Chi các nhiệm vụ mua sắm hàng hóa, dịch vụ và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số; kinh phí thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; kinh phí chỉnh lý số hóa tài liệu"* giao tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị.

5. Thời gian thực hiện dự toán: Quý IV năm 2026

6. Địa điểm thực hiện: Sở Ngoại vụ, địa chỉ: số 15 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, hải Phòng.

7. Quy mô dự toán: Danh mục quy mô theo biểu dự toán đính kèm.

8. Mục tiêu đầu tư:

- Tăng cường năng lực tổ chức các cuộc họp, hội nghị trực tuyến phục vụ công tác đối ngoại của Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng.

- Kết nối trực tuyến với Bộ Ngoại giao Việt Nam; các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài; Hội đoàn kiều bào Hải Phòng tại nước ngoài; các tổ chức, đối tác quốc tế; các địa phương nước ngoài có quan hệ hữu nghị, hợp tác với thành phố Hải Phòng; các cơ quan, đơn vị, địa phương trong và ngoài thành phố.

- Nâng cao chất lượng âm thanh, hình ảnh trong các cuộc họp trực tuyến, bảo đảm tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong trao đổi thông tin.

- Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi nghiệp vụ và tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

- Góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về đối ngoại.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm số 02.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lánh đạo Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NGOẠI VỤ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trần Thị Quỳnh Trang

PHỤ LỤC 01: DỰ TOÁN CHI TIẾT

TRANG BỊ HỆ THỐNG THIẾT BỊ VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ HỌP TRỰC TUYẾN, ĐÀM PHÁN VỚI ĐỐI TÁC QUỐC TẾ

(Đính kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Sở Ngoại vụ)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
I	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**				**1.161.238.500**	**92.611.080**	**1.253.849.580**
1	Màn hình Led	Hệ thống	1	441.897.616	441.897.616	35.351.809	477.249.425
	Màn hình LED P2 Dahua						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Kích thước hiển thị: 5.440 x 2.880mm						
	- Thông số module Led:						
	+ Kích thước: 320 x 160mm						
	+ Khoảng cách điểm ảnh (mm): 2.0mm						
	+ Pixel (Pixel/Modul): 160 80						
	+ Chip LED: SMD 3In1 (1R1G1B)						
	+ Cấu trúc Chip LED: SMD1515 Bóng đồng, đế đồng						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ IC điều khiển: PWM Constant Drive						
	+ Mật độ điểm ảnh/Modul (Pixel/Modul): 12800						
	+ Mật độ điểm ảnh/m² (Pixel/m²): 250000						
	+ Cân nặng (Kg): 0.42±0.01						
	+ Góc nhìn (Ngang/Dọc): 140° /130°						
	+ Công suất Modul (W): ≤ 20W						
	+ Chế độ quét: Constant Current, 1/40 Scanning						
	+ Độ sáng cân bằng trắng (Cd/m²) > 650 – 700						
	+ Độ sáng / Độ đồng đều màu ≥ 95%						
	+ Độ tương phản: '4000:1						
	+ Tần số làm tươi (Hz) ≥ 3840hz						
	+ Bộ xử lý mầu (bit): 12-14						
	+ Công suất tối đa/m² (W/m²): 400						
	+ Công suất trung bình/m² (W/m²): 210						
	- Nguồn điện:						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ Công suất: 300W						
	+ Điện áp đầu vào: 200 ~ 240V						
	+ Điện áp đầu ra: 5V						
	+ Dòng điện định mức: 60A						
	+ Công suất chính xác: ≥86%						
	- Card điều khiển						
	+ Pixel: 256*384						
	+ Hub75: 16 Chân tín hiệu						
	+ Cổng tín hiệu: 12 Cổng						
	- Hệ thống điều khiển:						
	+ Pixel: 5,24 triệu điểm ảnh, chiều rộng ≤8000 điểm ảnh, chiều cao ≤3840 điểm ảnh						
	+ Input: HDMI 2.0*2, DVI*1, VGA*1, CV*1, HDMI và DVI hỗ trợ 4Kx2K@60Hz						
	+ Output: 8 cổng mạng Gigabit, hỗ trợ đầu ra điểm-điểm 4K						
	- Độ phân giải: 2.720*1.440						
	- Khung sắt lắp đặt: sắt 20*40 mạ kẽm,						
	- Quy cách: Màn LED không có viền						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
2	Hệ thống Micro hội trường gồm:						
2.1	*Bộ điều khiển trung tâm*	*bộ*	*1*	*50.178.880*	50.178.880	4.014.310	54.193.190
	Haiaudio HAI-351M						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Kiểu kết nối: Có dây						
	- Tần số đáp ứng: 100Hz-12.5kHz						
	- Tỷ lệ S / N 100dB (1 KHz THD 1%)						
	- Trở kháng đầu vào LINE: 50kOhm PBIN: 50kOhm						
	- Trở kháng đầu ra:						
	+ REC: 200 Ohm						
	+ LINE: 200 Ohm						
	+ BALANCE: 300Ohm						
	+ UNBALANCE: 300Ohm						
	- Điện áp đầu vào AC110-240V 50/60Hz						
	- Lắp đặt: Để bàn hoặc gắn tủ rack 19”						
	- Vật liệu vỏ: kim loại						
	- Màn hình LCD hiển thị trạng thái làm việc						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Tính năng:						
	+ Điều khiển thảo luận						
	+ Tính năng chống phản hồi âm thanh						
	+ Cấu hình và quản lý bằng phần mềm trên PC						
2.2	*Micro chủ tọa cần dài để bàn*	*bộ*	*1*	*13.454.100*	13.454.100	1.076.328	14.530.428
	Haiaudio HAI-3511C						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Loại: Micro chủ tọa loại để bàn, micro cần dài cố định						
	- Nút bấm ưu tiên dành riêng cho chủ tọa						
	- Màn hình LCD 128 * 64 hiển thị trạng thái làm việc						
	- Kiểu kết nối: có dây						
	- Microphone: Loại tụ điện						
	- Kiểu mic: Đơn hướng						
	- Đáp ứng tần số: 30Hz-18KHz						
	- Độ nhạy: -43±2dB@1KHz						
	- Điện áp đầu vào: DC 9V						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Trở kháng đầu vào tối thiểu 1 kOhm						
	- Tỷ lệ S/N: >60dB						
	- Dây tín hiệu: Dây bọc lõi 2.1M 8 cực, cáp T3M dài 2m						
	- Chiều dài cần micrô: 44cm						
	- Chất liệu vỏ micro: Nhựa ABS						
	- Chất liệu cần cổ ngỗng: Kim loại						
	- Kiểu lắp đặt: Để bàn						
2.3	*Micro đại biểu cần dài để bàn*	*bộ*	*20*	*12.680.000*	253.600.000	20.288.000	273.888.000
	Haiaudio- HAI-3511D						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Loại: Micro đại biểu loại để bàn, micro cần dài cố định						
	- Màn hình LCD 128 * 64 hiển thị trạng thái làm việc						
	- Kiểu kết nối: có dây						
	- Microphone: Loại tụ điện						
	- Kiểu mic: Đơn hướng						
	- Đáp ứng tần số: 30Hz-18KHz						
	- Độ nhạy: -43±2dB@1KHz						
	- Điện áp đầu vào: DC 9V						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Trở kháng đầu vào tối thiểu 1 kOhm						
	- Tỷ lệ S / N: >60dB						
	- Dây tín hiệu: Dây bọc lõi 2.1M 8 cực, cáp T3M dài 2m						
	- Chiều dài cần micrô: 44cm						
	- Chất liệu vỏ micro: Nhựa ABS						
	- Chất liệu cần cổ ngỗng: Kim loại						
	- Kiểu lắp đặt: Để bàn						
2.4	*Dây cáp tín hiệu nối dài*	*dây*	*1*	*2.768.000*	2.768.000	221.440	2.989.440
	Haiaudio Hai-4510						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Chuẩn 8P DIN với hai đầu đực và cái (male& female)						
	- Độ dài cáp 10 mét với hai đầu đực và cái (male&female)						
2.5	*Thiết bị chống phản hồi âm*	*bộ*	*1*	*10.900.000*	10.900.000	872.000	11.772.000
	Haiaudio HAI-1210						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Công suất tiêu thụ điện: 7W						
	- Điện áp đầu vào 220V / 50Hz						
	- Tốc độ lấy mẫu 100Hz- 15KHz						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Độ méo <0,1% @lKHz						
	- Tỷ lệ S / N> 90db						
	- Tín hiệu chậm trễ: 11ms						
	- Trở kháng đầu vào20kOhm						
	- Trở kháng đầu ra20ohm(cân bằng)						
	- Lắp đặt: Để bàn hoặc gắn tủ rack 19”						
	- Tính năng:						
	+ Tự động phát hiện các tín hiệu hú và lọc tiếng ồn thông qua hệ thống xử lý âm thanh kỹ thuật số (DSP)						
	+ Tự động bù và trộn âm trầm, triệt tiêu phản hồi tốc độ cao						
	+ Mở rộng khoảng cách thu âm 30 ~ 100cm giúp tăng độ nhạy cho microphone						
3	Hệ thống điều khiển âm thanh gồm:						
3.1	*Loa treo tường*	*cái*	*6*	*2.760.000*	16.560.000	1.324.800	17.884.800
	TOA BS-1030B						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Công suất: 30 W						
	- Trở kháng: 8 Ω; 100 V line: 330 Ω (30 W), 500 Ω (20 W), 670 Ω (15 W), 1 kΩ (10 W), 2 kΩ (5 W); 70 V line: 170 Ω (30 W), 250 Ω (20 W), 330 Ω (15 W), 500 Ω (10 W), 1 kΩ (5 W)						
	- Cường độ âm: 90 dB (1 W, 1 m)						
	- Đáp tuyến tần số: 80 Hz - 20 kHz						
	- Thành phần loa: Loa hình nón + vòm đường kính 12 cm						
	- Dây loa: Dây 2 sợi với đường kính 6 mm						
	- Tiêu chuẩn chống bụi/nước: IPX4						
	- Vật liệu: nhựa ABS, màu đen						
3.2	*Âm ly*	*cái*	*1*	*21.770.000*	21.770.000	1.741.600	23.511.600
	TZA-2000DP						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Công suất đầu ra: Tối đa 130W + 130W, 100W + 100W RMS ở 10% THD, 90W + 90W RMS ở 5% THD, 80W + 80W RMS ở 2% THD						
	- Quy định đầu ra: ≤ 2 dB, không tải đến đầy tải ở 1kHz						
	- Đáp ứng tần số: 50-15.000Hz ±3dB						
	- Tỷ lệ tín hiệu trên tạp âm: 60dB						
	- Kênh đầu vào: Mono: 6 × Mic 0,65mV/4,7kΩ, 2 × Aux 100mV/470kΩ, Âm thanh nổi: L/R 250mV/47kΩ						
	- Đầu ra: Tiền khuếch đại 200mV/600Ω, Đường truyền 1V/1kΩ						
	- Trở kháng ra loa: 4Ω, 8Ω, 70V & 100V cho mỗi vùng						
	- Điều khiển âm thanh: Âm trầm: ±10dB ở 100Hz, Âm bổng: ±10dB ở 10kHz						
	- Tích hợp công tắc chuyển Mic-5 sang AUX-1, Mic-6 sang AUX-2						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Tích hợp bộ chỉnh âm sắc và âm lượng riêng cho từng zone						
3.3	*Mixer*	*bộ*	*1*	*26.700.000*	26.700.000	2.136.000	28.836.000
	Yamaha MG16XU						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Số kênh: 16 kênh						
	- Đáp ứng tần số: +0,5 dB/-1,5 dB (20 Hz đến 48 kHz)						
	- Đầu vào/ra kỹ thuật số: Tương thích với USB Audio Class 2.0						
	- Tần số lấy mẫu: Tối đa 192 kHz, Độ sâu bit: 24 bit						
	- Bộ tiền khuếch đại: D-PRE mic tiền khuếch đại với mạch đảo ngược Darlington						
	- Độ méo hài tổng thể: 0,03% @ +14dBu (20 Hz đến 20kHz)						
	0,005% @ +24dBu (1kHz)						
	- Khả năng trộn âm thanh: 24 chương trình thuật toán SPX, 1 điều khiển PARAMETER, 1 Foot SW						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Âm thanh USB: 24-bit/192kHz 2 vào/2 ra						
	- Độ ồn đầu ra: -102 dBu						
	- Công suất tiêu thụ: 30W						
	- Nhiễu xuyên âm: -78dB						
	- Điện năng: AC 100 – 240V, 50/60Hz						
3.4	*Cáp tín hiệu âm thanh*	*m*	*300*	*45.600*	13.680.000	1.094.400	14.774.400
	- Chủng loại: Cáp tín hiệu âm thanh 16AWG						
	- Kích thước: 2x1,5mm2 có bọc chống nhiễu						
4	Camera hội nghị	bộ	1	55.460.000	55.460.000	4.436.800	59.896.800
	VHD-VX863A						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Cảm biến: 1/1.8", CMOS, Max Effective Pixel: 8.51 Megapixels, 4K 60 khung hình / giây						
	- Độ phân giải hình ảnh: YUY2 (max 1080P60), H.264 AVC (max 2160P60), H.264 SVC (max 2160P60), MJPEG (max 2160P60), H.265 (max 2160P60)						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Góc mở: Góc mở ngang (Horizontal Angle of View): 8.2° (tele) to 71° (wide)						
	- Zoom quang: 12x, f = 6.25mm ~ 125mm, F1.58 ~ F3.95, 12X optical zoom						
	- Zoom số: 16X digital zoom						
	- Tốc độ bắt hình (Shutter Speed): 1/30s - 1/10000s						
	- Tốc độ khung hình (Frame Rates):						
	- HDMI: max 4K Ultra HD 4K/60, 4K/50,4K/30, 4K/25, 3G-SDI: max full HD 1080P/60, USB3.0: Up to 4KP60fps compressed video and 1080P original video can be output						
	- Đầu ra HD: 1xHDMI: version 2.0; 1x 3G-SDI: BNC type						
	- Cường độ sáng nhỏ nhất (Min Lux): 0.5 Lux at F1.8, AGC ON						
5	Màn hình phụ						
	Tivi Samsung 4K 65 inch 8500F						
	Thời gian bảo hành: 24 tháng						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Kích thước màn hình: 65inch	cái	4	15.760.000	63.040.000	5.043.200	68.083.200
	- Công nghệ màn hình: LED						
	- Công nghệ hình ảnh: HDR, HDR 10+, UHD Dimming, Motion Xcelerator, 4K Upscaling, Filmmaker Mode, Mega Contrast						
	- Tần số quét: 50Hz						
	- Độ phân giải: Ultra HD 4K (3840 x 2160 Pixel)						
	- Bộ xử lý: Crystal Processor 4K						
	- Bluetooth: 5.3						
	- Cổng LAN: có						
	- WiFi: wifi5						
	- Giá treo tường: có						
	- Giao tiếp:						
	+ 3 cổng HDMI						
	+ 1 cổng USB						
6	Bộ lưu điện						
	Delta CL5000VB						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Input:	bộ	1	58.600.000	58.600.000	4.688.000	63.288.000
	+ Rated input voltage: 208/220/230/240 VAC						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ Rated input frequency: 110- 295 ± 5VAC (50% load); 140 - 295 ± 5VAC (100% load)						
	+ Input frequency Range: 45-55Hz ±0.5% 50Hz; 55-65Hz ± 0.5% 60Hz						
	+ Phase: Single phase+N+GND						
	+ Power factor: >0.99						
	+ Input current (liner full load): 24.2A						
	+ THD: <5%						
	+ ByPass voltage range: 186VAC-252VAC						
	- Output:						
	+ Rated voltage: 208/220/230/240VAC						
	+ Power factor: 0,9						
	+ Voltage distortion ±1%						
	+ DC component voltage ≤ 200mv						
	- Rated frequency:						
	+ Battery mode: 50/60±0.05Hz						
	+ Phase lock speed ≤1Hz/s						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ Wave distortion: 100% linear load <1%; 100% nonlinear load <5%						
	- Transfer time:						
	+ From Mains mode to battery mode: 0ms						
	+ From battery mode to Mains mode: 0ms						
	+ From Mains mode to Bypass mode <0ms						
	+ From Bypass mode to Mains mode <0ms						
	+ From normal mode to ECO mode <10ms						
	+ Inverter overload capacity: 110% 60 min transfer to bypass mode giving alarm; > 125% 60s transfer to bypass mode giving alarm						
	- Battery:						
	+ Rated Battery Voltage: 192VDC /240VDC						
	+ Backup time(@ full load) for standard >4.5 min						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ Battery quantity: 16/20						
	- Charger						
	+ Output voltage: 216VDC+2%						
	+ Input voltage range: 150 VAC-300VAC						
	+ Charger current: Standard model:1A; Long time model: 8A						
	+ Protect: Overheat protection, fan test protection, Mute, cold start, auto start AC						
	+ Control: RS232; SNMP card						
	+ The Communications: monitor UPS working status, historical storage						
	+ Display: LCD/LED						
7	Máy tính xách tay	bộ	1	27.520.000	27.520.000	2.201.600	29.721.600
	Dell Inspiron 5440						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- CPU: Intel Core i5-1334U						
	- Màn hình: 14" WVA (1920 x 1200)						
	- Công nghệ màn hình: IPS LCD						
	- RAM: 2 x 8GB DDR5 4400MHz						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Đồ họa: Onboard Intel Iris Xe Graphics						
	- Lưu trữ: 512GB SSD M.2 NVMe						
	- Hệ điều hành: Windows 11 Home						
	- Kết nối mạng:						
	+ Wireless: 801.11ax						
	+ Bluetooth 5.2						
	- Giao tiếp mở rộng:						
	+ 1 headset port						
	+ 1 HDMI 1.4 port						
	+ 2 USB 3.2 Gen1 port						
	+ 1 USB Type-C ThunderBolt 4.0						
	+ 1 SD-Card slot						
	- Camera: 720p at 30 fps HD camera						
	- Pin: 4 Cells						
8	Máy tính để bàn	bộ	1	26.760.000	26.760.000	2.140.800	28.900.800
	HP Pro Tower 280 G9						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- CPU: Intel Core i5- 12500						
	- RAM: 1 x 8GB DDR5 4800MHz + 1 slot						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Đồ họa: Onboard Intel UHD Graphics 770						
	- Lưu trữ: 512GB SSD M.2 NVMe						
	- Hệ điều hành: Windows 11 Home						
	- Bàn phím + chuột: có						
	- Kết nối mạng:						
	+ LAN: Realtek RTL8821CE 802.11a/b/g/n/ac (1x1) Wi-Fi						
	+ Bluetooth 4.2						
	+ LAN: RJ45 Gigabit						
	- Giao tiếp mở rộng:						
	+ 1 HDMI 1.4 port						
	+ 2 USB 2.0 Type-A						
	+ 1 VGA						
	+ 1 power connector						
	+ 1 line out + 1 line in						
9	Thiết bị quản lý cấp nguồn	bộ	1	38.680.000	38.680.000	3.094.400	41.774.400
	BDK-28HH						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Thông số kỹ thuật:						
	+ Công suất đóng cắt: 10 kW						
	+ Điện áp đầu vào: 1Pha 220V AC-50/60Hz						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ Điện áp đầu vào và đầu ra: Điện áp đầu vào AC = Điện áp đầu ra AC						
	+ Bộ lọc nhiễu: > -10dB (2MHz-100MHz)						
	+ Lọc nguồn: 32A 3 line - 50/60Hz						
	+ Điện áp đầu vào lớn nhất: 380 (V)						
	+ Công suất sấy tích hợp 100W						
	+ Kích thước (DxRxC): Dài 25.2 cm, Rộng 39cm, Cao 40cm						
	+ Màn hình hiển thị 7inch độ phân giải: 800 x 480						
	+ Khung tủ đạt tiêu chuẩn IP43-IP55 được chế tạo từ thép tấm có lớp sơn tĩnh điện dày 2mm-3mm						
	- Tính năng						
	+ Chức năng Hiển thị đo nhiệt độ- độ ẩm thực tế khi sử dụng						
	+ Có tích hợp bộ lọc nguồn đầu vào và đầu ra cho thiết bị						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	+ Chức năng đếm thời gian hoạt động của từng ngày và tổng thời gian sử dụng từ khi lắp đặt						
	+ Ngôn ngữ: Tiếng Việt và tiếng Anh						
	+ Chức năng cài đặt cảnh báo nhiệt độ độ ẩm quá ngưỡng cho phép hoạt động						
	+ Chức năng cảnh báo thời gian bảo trì thiết bị						
	+ Chức năng cài đặt thời gian hoạt động của màn hình theo từng khung thời gian cài đặt						
	+ Chức năng giám sát và điều khiển bật tắt thiết bị từ xa qua wed hoặc điện thoại smart phone						
	+ Có thể kết nối đến máy tính để xuất dữ liệu các thông số theo dõi						
	+ Có cổng USB kết nối điều khiển thông qua máy tính						
10	Tủ rack 10U	cái	1	1.590.000	1.590.000	127.200	1.717.200
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Chuẩn rack: 19 inch						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Kích thước: H600*W550*D500						
	- Cửa trước là cửa cánh lưới, có khóa an toàn						
	- Cửa sau là cửa cánh tôn, có khóa an toàn						
	- 04 bánh xe điều hướng						
11	Máy ghi âm	cáic	1	4.307.200	4.307.200	344.576	4.651.776
	Sony ICD-TX660						
	- Định dạng phát lại MP3/WAV/WMA/AAC; Định dạng thu âm Linear PCM/MP3; Khả năng kết nối PC; Điều chỉnh tốc độ phát; Cắt tiếng ồn						
	- Bộ nhớ: 16GB						
	- Màn hình hiển thị OLED						
	- Thời gian sử dụng pin: tối đa 17 giờ						
	- Microphone và loa ngoài: tích hợp sẵn						
	- Kết nối: USB Type-C						
12	Phần mềm họp trực tuyến (*)	năm	1	3.600.000	3.600.000		3.600.000
	MobiFone Meeting						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Tổng số tài khoản theo gói: 10 tài khoản						
	- Thời hạn sử dụng: 01 năm						
13	Bút trình chiếu	cái	1	921.000	921.000	73.680	994.680
	Logitech R500S						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Cách kết nối: USB Receiver (Đầu thu USB)						
	- Khoảng cách: tối đa 30m						
	- Công suất: Dưới 0,39 mW						
	- Tiện ích: Điều khiển trình chiếu Lazer						
	- Tương thích: Windows, MacOS, ChromeOS, iOS, Android						
14	Bộ chia HDMI 8 cổng 4K	cái	1	2.190.000	2.190.000	175.200	2.365.200
	Ugreen 40203						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Độ phân giải hỗ trợ: 4K@30Hz						
	- Đầu vào: 1 HDMI 1.4						
	- Đầu ra: 8 HDMI 1.4						
	- Dải màu: 12bit						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Âm thanh: DTS-HD/Dolby-trueHD/LPCM7.1/DTS/Dolby-AC3/DSD/ HD(HBR)						
	- Vật liệu: Vỏ hợp kim, kết nối mạ vàng						
	- Nguồn: 5V 2A						
15	Dây cáp đúc CAT6 dài 3m	dây	2	110.000	220.000	17.600	237.600
	Ugreen						
	- Chuẩn cáp: Cat6 UTP (Unshielded Twisted Pair)						
	- Lõi dây: 26AWG CCA						
	- Chiều dài: 3m						
	- Tốc độ truyền tải: 1000 Mbps (Gigabit Ethernet)						
	- Đầu nối: RJ45 đúc sẵn 2 đầu mạ vàng						
	- Chất liệu vỏ: PVC						
16	Dây cáp HDMI nối dài 20m	dây	3	1.820.000	5.460.000	436.800	5.896.800
	Urgreen						
	- Loại: Dây nối dài HDMI						
	- Chiều dài cáp: 20m						
	- Tốc độ truyền dữ liệu tối đa: 10,2Gbps						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Hỗ trợ độ phân giải 4K, hình ảnh 3D						
	- Hỗ trợ âm thanh ARC, Dolby TrueHD, DTS-HD						
	- Tương thích thiết bị: TV, máy chiếu, đầu phát HD, đầu K+, SCTV, thiết bị IP,…						
17	Dây cáp HDMI nối dài 30m	dây	3	2.270.000	6.810.000	544.800	7.354.800
	Urgreen						
	- Loại: Dây nối dài HDMI						
	- Chiều dài cáp: 30m						
	- Tốc độ truyền dữ liệu tối đa: 10,2Gbps						
	- Hỗ trợ độ phân giải 4K, hình ảnh 3D						
	- Hỗ trợ âm thanh ARC, Dolby TrueHD, DTS-HD						
	- Tương thích thiết bị: TV, máy chiếu, đầu phát HD, đầu K+, SCTV, thiết bị IP,…						
18	Dây cáp audio 3.5mm	dây	2	165.000	330.000	26.400	356.400
	Urgreen						
	- Loại: Cáp nối dài audio 3.5mm						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Chiều dài cáp: 2m						
	- Đầu cáp được mạ vàng giúp truyễn dẫn tín hiệu và cho chất lượng âm thanh tối ưu						
	- Chất liệu vỏ: nhựa						
19	Dây cáp HDMI capture USB	dây	3	850.000	2.550.000	204.000	2.754.000
	Ugreen 40189						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Đầu vào: HDMI						
	- Đầu ra: USB A/ Type-C						
	- Độ phân giải đầu vào: 4K@60Hz						
	- Độ phân giải đầu ra: 1080P@30Hz						
	- Tốc độ lấy mẫu: 24bit/ 48KHz						
	- Chuẩn USB 2.0 tốc độ truyền 480Mbps						
	- Audio input: SNR ≥ 90dB, THD <-80dB						
	- Tính năng: Ghi hình, Livestream trực tuyến HDMI to USB/ USB Type-C						
20	Cổng chia Audio	dây	4	210.000	840.000	67.200	907.200
	Ugreen 10739						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Tính năng: Chia cổng âm thanh 3.5mm 1 ra 2						
	- Đầu vào: 1 audio 3.5mm (male)						
	- Đầu ra: 2 audio 3.5mm (female)						
	- Chiều dài cáp: 20cm						
	- Chất liệu: nhựa ABS, lõi đồng mạ vàng						
21	Dây USB nối dài 20m	dây	2	926.852	1.853.704	148.296	2.002.000
	Ugreen 10324						
	- Loại cáp: nối dài USB						
	- Chiều dài cáp: 20m						
	- Tương thích: USB 2.0/1.1						
	- Có chíp khuếch đại đảm bảo chất lượng						
	- Đèn led theo dõi trạng thái hoạt động						
22	Dây điện	m	200	27.000	5.400.000	432.000	5.832.000
	Cadisun						
	- Ruột dẫn: đồng						
	- Kích thước: 2 x 2,5mm2						
	- Điện áp danh định: từ 0,6/1kV đến 18/30kV						
	- Vỏ bảo vệ: PVC						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
23	Ổ cắm điện	cái	2	300.000	600.000	48.000	648.000
	Lioa 6D52N						
	- Loại ổ cắm: 6 chân 3 lỗ						
	- Công suất tối đa: 2200W						
	- Dòng tối đa: 10A						
	- Chiều dài dây: 3m						
24	Switch 8port Gigabit	cái	1	560.000	560.000	44.800	604.800
	TP-Link TL-SG1008D						
	Thời gian bảo hành: 12 tháng						
	- Số cổng: 8 cổng 10/100/1000Mbps						
	- Hỗ trợ MDI/MDIX tự động: có						
	- Tốc độ chuyển mạch: 16Gbps						
	- Bảng địa chỉ MAC: 4K						
	- Chất liệu vỏ: nhựa						
	- Công suất: 4,63W						
	- Nguồn điện: 220V/50Hz						
25	Bộ chia cổng USB	cái	1	438.000	438.000	35.040	473.040
	Ugreen 50985						
	- Chíp xử lý: GL3510						
	- Đầu vào: USB 3.0						
	- Đầu ra: 4 cổng USB 3.0 (female)						
	- Cổng MicroUSB: có 1 cổng						

TT	Tên thiết bị hàng hóa (chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết)	ĐVT	SL	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT (8%)	Thành tiền sau thuế
	- Chiều dài cáp: 15cm						
	- Tốc độ truyền dữ liệu tối đa: 5Gbps						
	- Chất liệu: vỏ nhựa ABS màu đen						
26	Vật tư phụ lắp đặt hệ thống	gói	1	2.000.000	2.000.000	160.000	2.160.000
	- Vật tư hỗ trợ lắp đặt hệ thống phòng họp gồm đinh vít, nở, nẹp điện nhựa, dây thít, băng dính,….						
II	**CHI PHÍ TƯ VẤN**						**26.880.000**
1	Thẩm định giá	Theo hợp đồng thẩm định giá					15.000.000
2	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Khoản 4,5,6 điều 14 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025: Mức tối thiểu (3.000.000+3.000.000)*1,08(V.A.T)					6.480.000
	Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Khoản 4,5,6 điều 14 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025: Mức tối thiểu (3.000.000+2.000.000)*1,08(V.A.T)					5.400.000
II	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**						**19.167.600**
	TỔNG CỘNG	**I+II+III**					**1.299.897.180**

Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm tám mươi đồng

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

TRANG BỊ HỆ THỐNG THIẾT BỊ VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ HỌP TRỰC TUYẾN, ĐÀM PHÁN VỚI ĐỐI TÁC QUỐC TẾ

(Đính kèm theo Quyết định số 195 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Sở Ngoại vụ)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Sở Ngoại vụ	Gói thầu 01: Mua sắm Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế	Mua sắm Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế	1.253.849.580	Ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Quý IV2026	Trọn gói	45 ngày	Không
2		Gói thầu 02: Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu 01	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu 01	6.480.000	Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu rút gọn		10 ngày	Quý IV2026	Trọn gói	60 ngày	Không

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
3	Sở Ngoại vụ	Gói thầu 03: Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 01	Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 01	5.400.000	Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu rút gọn		10 ngày	Quý IV2026	Trọn gói	60 ngày	Không
Tổng giá các gói thầu				**1.265.729.580**								

Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, bẩy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi đồng./